

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 27/2017/DS-ST

Ngày: 23-8-2017

V/v: “Tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Hoa Kiều

2. Bà Nguyễn Thị Tài Định.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vương-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích S, sinh năm 1956, địa chỉ: Số 742 đường G, thôn 1, xã T, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961, địa chỉ: Số 54 đường T, tổ 14, phường Đ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi. Ông T vắng mặt, bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/6/2017, đơn giải trình ngày 20/6/2017, bản tự khai ngày 08/8/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Bích S trình bày:

Bà và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị T có quen biết nhau nên ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị T có vay tiền của bà nhiều lần có giấy viết, khi vay tiền ông T nói để làm công trình xây dựng.

Ngày 05/12/2014 ông T viết giấy vay 15.000.000 đồng.

Ngày 09/12/2014 ông T viết giấy vay 10.000.000 đồng.

Ngày 28/12/2014 ông T viết giấy vay 15.000.000 đồng.

Ngày 12/02/2015 ông T viết giấy vay 20.000.000 đồng.

Ngày 18/3/2015 ông T viết giấy vay 15.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2015 vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị T viết giấy vay 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc là 175.000.000 đồng, khi bà cho ông T, bà T vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, không có quy định thời hạn trả. Ông T đã trả tiền lãi cho bà nhiều lần được 5.000.000 đồng nhưng bà không nhớ cụ thể trả lãi vào thời gian nào và cũng không có chứng từ về việc trả lãi, sau đó ông T không trả lãi nữa. Đến tháng 12/2015 bà đến gặp ông T để yêu cầu trả nợ, nhưng ông T chưa có tiền trả, hai bên thỏa thuận lại tính lãi suất vay đối với số tiền gốc 75.000.000 đồng là 4%/tháng, còn đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng lãi suất 5%/tháng, nhưng ông T không trả tiền lãi theo như thỏa thuận mà trả lãi rất nhiều lần từ ngày 20/12/2015 đến ngày 04/8/2016 ông T đã trả cho bà được tiền lãi là 25.000.000 đồng và chốt sổ tiền lãi ông T còn nợ lại 39.000.000 đồng. Sau đó bà có đòi nhiều lần tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng ông T, bà T không trả.

Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị Bích S yêu cầu buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 175.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 04/8/2016 là 39.000.000 đồng, tổng cộng 214.000.000 đồng. Còn tiền lãi sau ngày 04/8/2016 bà không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà thay đổi yêu cầu, trong khoản nợ gốc 175.000.000 đồng thì bà yêu cầu ông T trả 75.000.000 đồng là do một mình ông T vay, còn 100.000.000 đồng bà yêu cầu ông T và bà T phải có trách nhiệm trả cho bà vì do ông T và bà T cùng vay. Về tiền lãi: Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu vợ chồng ông T và bà T trả tiền lãi 39.000.000 đồng.

Trong Bản tự khai ngày 11/7/2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 28/7/2017, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc T có vay tiền của bà Trần Thị Bích S 100.000.000 đồng nên bà đồng ý cùng ông T trả số tiền gốc 100.000.000 đồng, vì do bà và ông T cùng vay của bà S, còn ông T vay của bà S 75.000.000 đồng bà không có biết. Do đó, ông T phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà S tiền gốc 75.000.000 đồng. Về tiền lãi: Hiện nay bà và ông T đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin bà S không trả tiền lãi.

Trong đơn trình bày ghi ngày 10/7/2017 bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông làm doanh nghiệp xây dựng từ năm 2007 đến nay công việc càng khó khăn làm ăn thua lỗ, vợ thì ốm đau liên tục nên chủ nợ đến đòi nợ không có tiền trả, những khoản tiền ông vay để xoay sở không liên quan đến vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Ngọc T.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Ngọc T vay tiền của bà Trần Thị Bích S rất nhiều lần, cụ thể: Ngày 05/12/2014 ông T vay 15.000.000 đồng, ngày 09/12/2014 ông T vay 10.000.000 đồng, ngày 28/12/2014 ông T vay 15.000.000 đồng, ngày 12/02/2015 ông T vay 20.000.000 đồng, ngày 18/3/2015 ông T vay

15.000.000 đồng, tổng cộng ông T vay của bà S 75.000.000 đồng, hai bên không có quy định thời hạn trả, có thỏa thuận về việc trả lãi.

Ngày 20/8/2015 vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thị T vay của bà S 100.000.000 đồng, hai bên không có quy định thời hạn trả, có thỏa thuận về việc trả lãi.

Về tiền nợ gốc: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Bích S yêu cầu ông T và bà T phải trả cho bà khoản tiền vay vào ngày 20/8/2015 100.000.000 đồng, còn lại khoản vay 75.000.000 đồng do một mình ông T vay bà T không biết nên bà yêu cầu ông T phải trả cho bà 75.000.000 đồng nợ gốc. Bà T thừa nhận bà và ông Nguyễn Ngọc T có vay của bà S vào ngày 20/8/2015 là 100.000.000 đồng nhưng bà và ông T chưa có trả cho bà S. Tại giấy vay tiền ghi ngày 20/8/2015 thể hiện bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Ngọc T có vay của bà Trần Thị Bích S 100.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả nợ gốc cho bà S 100.000.000 đồng. Còn tại các giấy vay tiền vào các ngày 05/12/2014, ngày 09/12/2014, ngày 28/12/2014, ngày 12/02/2015, ngày 18/3/2015 thể hiện một mình ông T vay của bà S tổng cộng 75.000.000 đồng, bà T không biết ông T vay 75.000.000 đồng này sử dụng vào việc gì và bà S cũng chỉ yêu cầu ông T trả nợ gốc 75.000.000 đồng này. Vì vậy, có căn cứ buộc ông Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm trả nợ gốc cho bà S 75.000.000 đồng là phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện bà S yêu cầu ông T và bà T phải trả số tiền lãi còn nợ lại tính từ ngày 20/12/2015 đến ngày 04/8/2016 là 39.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày hiện tại bà và ông T đang gặp khó khăn nên xin bà S cho khoản nợ lãi 39.000.000 đồng, bà S đồng ý và rút yêu cầu buộc bà T và ông T trả khoản tiền lãi 39.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn bà Trần Thị Bích S đã rút, không yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc T trả tiền lãi 39.000.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông T và bà T phải chịu 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng. Ông T phải chịu 75.000.000 đồng x 5% = 3.750.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 471, khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích S.

Về nợ gốc:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị Bích S nợ gốc 100.000.000 đồng(Một trăm triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị Bích S nợ gốc 75.000.000 đồng(Bảy mươi lăm triệu đồng).

Về nợ lãi: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn bà Trần Thị Bích S đã rút, không yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc T trả tiền lãi 39.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 5.000.000 đồng(Năm triệu đồng). Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 3.750.000 đồng(Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trà Thanh Tùng

